

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 312/2021/HSPT

Ngày: 14/7/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trường

Các thẩm phán: Ông Võ Ngọc Thông

Ông Vũ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thanh, Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 333/2021/TLPT-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo Trần Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18a/2021/HS-ST ngày 13/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Bị cáo có kháng cáo; kháng nghị:

Trần Văn H, sinh ngày 04 tháng 07 năm 1992; tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn P; Con bà: Hồ Thị X; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Kiều O (là bị cáo trong cùng vụ án) có 01 con sinh năm 2020.

Nhân thân: Ngày 02/9/2009 bị Công an huyện Q xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm sức khỏe của người khác, ngày 29/12/2009 Bị công an huyện Q xử phạt vi phạm hành chính.

Tiền án: có 04 tiền án: Bản án số 20/2010/HSST ngày 29/9/2010 của TAND huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 36 tháng tù về tội Cướp giật tài sản; Bản án số 17/2011/HSST ngày 10/5/2011 của TAND huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án số 81/2011/HSPT ngày 17/8/2011 của TAND tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm y án sơ thẩm); Tổng

hợp hình phạt chung 50 tháng 03 ngày; Bản án số 27/2011/HSST ngày 26/8/2011 của TAND huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung là 74 tháng 03 ngày tù; Bản án số 12/2016/HSST ngày 22/9/2016 của TAND huyện Q, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 38/2020/HSST ngày 17/7/2020 của TAND huyện B, tỉnh Quảng Bình xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn trong vụ án khác. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H:* Ông Giả Văn P, luật sư thuộc Văn phòng luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H và Nguyễn Thị Kiều O sống chung với nhau như vợ chồng, cả hai thuê phòng ở trọ tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ngày 29/01/2020 Trần Văn, H mua của một người Lào có tên C (không rõ tên thật, địa chỉ cụ thể) ở khu vực Ngã ba K, huyện H, tỉnh Quảng Trị một số lượng ma túy dạng Hồng phiến và Ketamine với giá 150.000.000 đồng rồi đem về cất giấu ở trong tủ quần áo tại nhà trọ với mục đích sử dụng dần và bán lại cho ai có nhu cầu mua để kiếm lời. Việc H mua ma túy rồi đưa về cất giấu trong phòng trọ O hoàn toàn không biết.

Sáng ngày 05/02/2020, đối tượng tên L ở huyện B, tỉnh Quảng Bình (không rõ tên thật, địa chỉ cụ thể) gọi điện thoại qua Facebook cho Trần Văn H đặt mua hộp 10 ma túy tổng hợp loại Ketamin, với giá thỏa thuận 6.000.000 đồng. Do không có mặt ở nhà nên H gọi điện thoại cho Nguyễn Thị Kiều O nhờ đưa ma túy đem đi giao bán cho L thay H, O đồng ý. H chỉ nơi cất giấu ma túy ở trong tủ quần áo trong phòng ngủ tại nhà trọ, O mở tủ, lấy ma túy loại Ketamin và Hồng phiến để đem đi giao bán cho L và một người đàn ông tên Rượu (không rõ tên thật, địa chỉ cụ thể) theo hướng dẫn của H. O mang theo số ma túy lấy từ trong tủ quần áo và nhờ Phan Ngọc H là anh họ O sử dụng xe ô tô BKS 73A-125.31 chở O đi giao bán ma túy. Khi xe đi đến tuyến đường tránh, thuộc địa phận thôn 10, xã Lý Trạch, huyện B, tỉnh Quảng Bình thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang cùng với số ma túy mang đi bán gồm 01 gói nilon chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy loại “Ketamine”, 01 gói nilon chứa 209 viên nén là ma túy Hồng phiến (207 viên màu hồng trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “WY” và 02 viên nén màu xanh trên một mặt đều có ký hiệu “A” và một mặt ký hiệu “YI”) (BL 14- 15, 177-236).

Bản kết luận giám định số 119/GĐ-PC09 ngày 12/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình có kết luận vật chứng thu giữ tại Nguyễn Thị Kiều O gồm:

+ Mẫu ký hiệu A1: Chất màu trắng, khối lượng 10,03g (mười phẩy không ba gam) là chất ma túy Ketamine.

+ Mẫu ký hiệu A3 A: 207 (hai trăm linh bảy) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng trên bề mặt mỗi viên có in chữ “WY”, tổng khối lượng 20,39g (hai mươi phẩy ba mươi chín gam) là chất ma túy loại Methamphetamine.

+ Mẫu ký hiệu A3B: 02 (hai) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu xanh trên một mặt mỗi viên có chữ “YI” và một mặt có in chữ “A”, tổng khối lượng 0,187g (không phẩy một trăm tám mươi bảy gam) không phải là chất ma túy (BL 21 -22).

Qua lời khai của Nguyễn Thị Kiều O, lúc 11 giờ ngày 05/02/2020, khám xét khẩn cấp phòng trọ H và O thuê ở tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã thu giữ:

- 16 (mười sáu) gói nilon màu xanh, bên trong mỗi gói chứa 200 (hai trăm) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng, trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “WY” và 02 (hai) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu xanh, trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “A”.

- 05 (năm) gói nilon màu hồng bên trong mỗi gói chứa 200 (hai trăm) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu hồng, trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “WY” và 02 (hai) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu xanh, trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “A” đều có ký hiệu “WY” và 02 (hai) viên nén hình tròn dạng thuốc tân dược màu xanh, trên một mặt mỗi viên đều có ký hiệu “A”.

- 04 (bốn) gói nilon màu trắng được ký hiệu A1, A2, A4, A5 bên trong đều chứa chất tinh thể màu trắng.

- 01 (một) gói nilon màu trắng được ký hiệu A3 bên trong có 02 (hai) gói nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng.

- 01 (một) gói nilon màu trắng được ký hiệu A6 bên trong có 03 (ba) gói nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng.

- 01 (một) gói nilon màu trắng được ký hiệu A7 bên trong có 02 (hai) gói nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng (BL 27 - 28).

Bản kết luận giám định số 120/GĐ-PC09 ngày 13/02/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận số tang vật thu giữ tại phòng trọ số 249 Phan Đình Phùng, phường Bắc Lý, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình:

+ Mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 75,986g (bảy mươi lăm phẩy chín trăm tám mươi sáu gam).

+ Mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 71,85 lg (bảy mươi một phẩy tám trăm năm mươi một gam).

+ Mẫu ký hiệu A3 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 35,061 g (ba mươi lăm phẩy không trăm sáu mươi một gam).

+ Mẫu ký hiệu A4 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 3,912g (ba phẩy chín trăm mười hai gam).

+ Mẫu ký hiệu A5 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1 1,678g (mười một phẩy sáu trăm bảy mươi tám gam)

+ Mẫu ký hiệu A6 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng 2,09g (hai phẩy không chín gam).

+ Mẫu ký hiệu A7 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine và Ketamin, khối lượng 1,016g (một phẩy không trăm mười sáu gam).

+ Mẫu ký hiệu A8A gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 434,5g (bốn trăm ba mươi bốn phẩy năm gam).

+ Mẫu ký hiệu A8B gửi giám định không phải là chất ma túy, khối lượng 4,179g (bốn phẩy một trăm bảy mươi chín gam) (BL 32-34).

Methamphetamine (+) - (S) - N - a - dimethylphenethylamine nằm trong danh mục các chất ma túy số thứ tự 323, Danh mục II; Ketamine nằm trong danh mục các chất ma túy, số thứ tự: 35, Danh mục III, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Luật phòng chống ma túy năm 2000 nghiêm cấm hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng trái phép. Hỗn hợp ma túy 1,016g bao gồm chất Methamphetamine và chất Ketamine được quy về nhóm ma túy có mức định lượng có lợi cho người bị buộc tội là nhóm các “chất ma túy khác ở thể rắn” để làm căn cứ xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18a/2021/HS-ST ngày 13/4/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn H, Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Trần Văn H 19 (mười chín) năm tù.

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HSST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là 21 (hai mươi một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/3/2020.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 251; các điểm n, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kiều O 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 05/02/2020 đến ngày 26/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị Kiều O.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/4/2021, Bị cáo Trần Văn H gửi đơn kháng cáo cho rằng hình phạt tù là quá cao, nên xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 10/5/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VC2 đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo từ 19 năm lên chung thân với lý do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VC2 ngày 10/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng với nội dung: Bị cáo H phạm tội có số lượng ma túy gấp 06 lần so với quy định; bị cáo có 04 tiền án, đã nhiều lần bị xử lý về tội phạm ma túy nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết ăn năn hối cải là không đúng. Ngoài ra theo hướng dẫn tại điểm 3 mục 1 Công văn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 thì bị cáo hậu không đủ điều kiện, nhưng cấp sơ thẩm cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 là không đúng. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18a/2021/HS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình trên cơ sở bỏ việc áp dụng Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Trần Văn H, tăng hình phạt đối với bị cáo H từ 19 năm tù lên chung thân.

Luật sư Giả Văn Phương bào chữa cho bị cáo H nêu quan điểm: Bị cáo H có nhiều tiền án mà phạm tội với số lượng ma túy lớn; nên thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo H có hoàn cảnh rất khó khăn; bản thân có trình độ văn hóa thấp nên nhận thức về pháp luật và xã hội kém; do vậy đề nghị HĐXX giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo khác, của những người có liên quan tại phiên tòa sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 29/01/2020 H mua 150.000.000đ mua túy về nhà trọ cất giấu để sử dụng và bán lại. Sáng ngày 05/02/2020 có người hỏi mua

ma túy với giá 6.000.000đ, H đồng ý và gọi điện cho Nguyễn Thị Kiều O đang sống chung trong phòng trọ lấy ma túy giao cho người mua thì bị bắt quả tang với số lượng 30,42 gam ma túy bao gồm Methamphetamine và Ketamine. Ngoài ra còn thu giữ tại phòng trọ H, O đang ở 636,094 gam ma túy tương tự. Với hành vi và hậu quả như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Trần Văn H và Nguyễn Thị Kiều O phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*. Bị cáo H bị xử phạt 19 năm tù theo điểm h khoản 4 Điều 251 BLHS “*phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình*” ...b) *Heroin, Cocaine, methamphetamine...có khối lượng 100 gam trở lên; h) Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng... tương đương với khối lượng...quy định một trong các điểm từ điểm a đến điểm g..*”

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; HĐXX thấy rằng: Bị cáo H được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ là “*thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải*” và “*người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm s, t khoản 1 Điều 51 BLHS. Từ đó áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm khung hình phạt là nhẹ. Quá trình tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào mới, do vậy, HĐXX không chấp nhận đề nghị của bị cáo và của người bào chữa; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VC2 ngày 10/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; HĐXX thấy rằng: Bị cáo H phạm tội có số lượng ma túy gấp hơn 06 lần so với quy định; bị cáo có 04 tiền án, trong đó có lần bị xử lý về tội phạm ma túy, nhưng cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “*ăn năn hối cải*” là không đúng. Mặt khác, tình tiết “*người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án*” theo điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS mà Tòa án sơ thẩm áp dụng cũng không phù hợp; bởi lẽ, trong vụ án này ngoài bị cáo H và bị cáo O bị bắt quả tang ra không có bị cáo nào khác; tại hồ sơ không thể hiện sự “*tích cực hợp tác*” ngoài hành vi “*thành khẩn khai báo*” đã được áp dụng tại điểm s khoản 1; nên chưa đủ căn cứ là bị cáo có “*tích cực hợp tác hay không*” để được áp dụng tình tiết trên. Do vậy, HĐXX chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 18a/2021/HS-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình trên cơ sở bỏ việc áp dụng Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Trần Văn H, chuyển loại hình phạt từ tù có thời hạn sang tù chung thân là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận; nên bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn H; chấp nhận Quyết định kháng nghị số 13/QĐ-VC2 ngày 10/5/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc tăng hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn H từ 19 năm tù lên chung thân.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Trần Văn H tù Chung thân.**

Áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2020/HSST ngày 17/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của **02 Bản án là tù Chung thân**; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 23/3/2020.

2. Án phí phúc thẩm: Bị cáo Trần Văn H phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (14/7/2021).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;

THẨM

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an Quảng Bình;
- Phòng HSNV - Công an Quảng Bình;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Bình;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường